

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 59/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 22 - 7 - 2025.

V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vân

2. Ông Nguyễn Đình Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thế Nữ Diệu Hiền là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2025/TLST-HN ngày 06 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 257/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2025 và Thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số: 36/20025/TB-TA ngày 24/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim N, sinh ngày: 15/7/2004; Căn cước công dân số: 052304002672 do Cục C về TTXH cấp ngày 09/5/2021; Quê quán: Thị trấn T, T, tỉnh Bình Định; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định (nay là xã T, tỉnh Gia Lai); Địa chỉ nơi đăng ký kết hôn: UBND phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn K, sinh ngày: 22/12/2001; Căn cước công dân số: 052201002469 do Cục C về TTXH cấp ngày 30/6/2022; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ C, khu phố A, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Gia

Lai); Địa chỉ nơi đăng ký kết hôn: UBND phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định.
(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 02 năm 2025 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Kim N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tuấn K trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu khoảng 06 tháng và chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2023, đến ngày 17/7/2023 anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn gay gắt nhất là từ đầu năm 2025 cho đến nay, do anh K không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, bài bạc, chơi game nhưng vì con còn nhỏ nên chị đã cố gắng níu kéo tình cảm vợ chồng nhưng không được.

Hiện nay giữa hai bên sui gia cũng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên cha mẹ hai bên không thể hàn gắn tình cảm cho vợ chồng anh chị được. Tháng 02/2025 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân cho đến nay. Trước đây chị có nộp đơn xin ly hôn tại Toà án huyện T nhưng vì không thuộc thẩm quyền nên Toà án huyện T đã hướng dẫn chị đến Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn nộp đơn vì anh K có hộ khẩu tại tổ C, khu phố A, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân nên chị yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Tuấn K để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Trần Ngọc H, sinh ngày 22/12/2023. Hiện nay con chung đang sống với anh K. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Chị và anh K tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn, anh Nguyễn Tuấn K trình bày tại bản khai ngày 02/4/2025 như sau:

Anh và chị Trần Thị Kim N qua thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 17/7/2023 tại UBND phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, nhưng theo anh K thì chưa đến mức trầm trọng, vẫn có thể hàn gắn được nên anh không đồng ý ly hôn với chị N.

Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là Nguyễn Trần Ngọc H, sinh ngày 22/12/2023. Hiện nay con chung đang sống với anh, sức khỏe bình thường. Nếu ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật TTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Kim N được ly hôn anh Nguyễn Tuấn K; Con chung: Giao con chung Nguyễn Trần Ngọc H, sinh ngày 22/12/2023 cho chị N nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên không xem xét; Tài sản chung: Chị N, anh K không yêu cầu nên không xem xét.

- Án phí HNGĐ: Chị Trần Thị Kim N phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn, anh Nguyễn Tuấn K cư trú tại Tổ C, khu phố A, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai). Tranh chấp phát sinh giữa Trần Thị Kim N và anh Nguyễn Tuấn K là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Trần Thị Kim N là nguyên đơn, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên Tòa hôm nay. Còn anh Nguyễn Tuấn K là bị đơn đã được Tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung: Chị Trần Thị Kim N và anh Nguyễn Tuấn K trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố Q vào ngày 17/7/2023. Theo chị N nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị là do anh K không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, bài bạc, chơi game làm cho kinh tế gia đình khó khăn. Chị và gia đình chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh K không thay đổi. Hiện nay gia đình cha mẹ hai bên cũng phát sinh mâu thuẫn, nên không thể hàn gắn tình cảm cho anh chị được.

Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân nên chị yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Tuấn K để ổn định cuộc sống.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Tuấn K không hợp tác, tại bản khai ngày 02/4/2025 anh K mong muốn được níu kéo tình cảm, thương con nên không muốn ly hôn. Tuy nhiên, Tòa nhiều lần triệu tập, hòa giải nhưng anh K không đến mặc dù đã nhận được các Thông báo, giấy triệu tập hợp lệ của Tòa án. Điều này chứng tỏ anh không có thiện chí muốn hòa hợp.

Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã sống ly thân. Do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Kim N được ly hôn anh Nguyễn Tuấn K là phù hợp với Điều 51, 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị N và anh K có một con chung là Nguyễn Trần Ngọc H, sinh ngày 22/12/2023. Hiện nay con chung đang sống với anh K, sức khỏe bình thường. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Tòa xét: Việc nuôi con sau khi ly hôn phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu, hiện nay cháu H chưa được 36 tháng tuổi, nên theo quy định của pháp luật con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận phù hợp với lợi ích của con. Do đó, HĐXX xét thấy nên giao cháu Nguyễn Trần Ngọc H, sinh ngày 22/12/2023 cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án thì chị Trần Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng.

[6] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Kim N được ly hôn anh Nguyễn Tuấn K.

2. Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

2.1. Về con chung: Chị Trần Thị Kim N và anh Nguyễn Tuấn K có một con chung là Nguyễn Trần Ngọc H, sinh ngày 22/12/2023.

2.2. Về nuôi con: Giao cháu Nguyễn Trần Ngọc H, sinh ngày 22/12/2023 cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Chị Trần Thị Kim N không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Kim N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001282 ngày 06/3/2025 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Q.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- VKSND Khu vực 1 - Gia Lai;

- Các đương sự;

- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Ngọc Lan

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Thọ Nguyễn Thị V Huỳnh Thị Ngọc L

